

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

**Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company**

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892 792

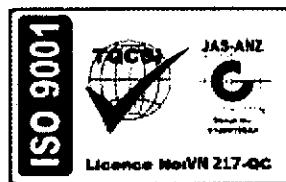
Fax: 056. 3891 975

Email: [hpp\\_vssh@evn.com.vn](mailto:hpp_vssh@evn.com.vn)

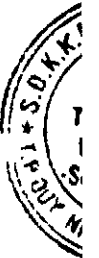
Website: [www.vshpc.evn.com.vn](http://www.vshpc.evn.com.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014**



*(Theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính)*



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Năm báo cáo: 2014

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 35 03 000058
- Vốn điều lệ: 2.062.412.460.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.062.412.460.000 đồng
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 0563 892792
- Số fax: 0563 891975
- Website: [www.vshpc.evn.com.vn](http://www.vshpc.evn.com.vn)
- Mã cổ phiếu: VSH

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

\* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

\* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

\* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

\* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

\* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

\* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

\* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

\* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062.412.460.000 đồng.

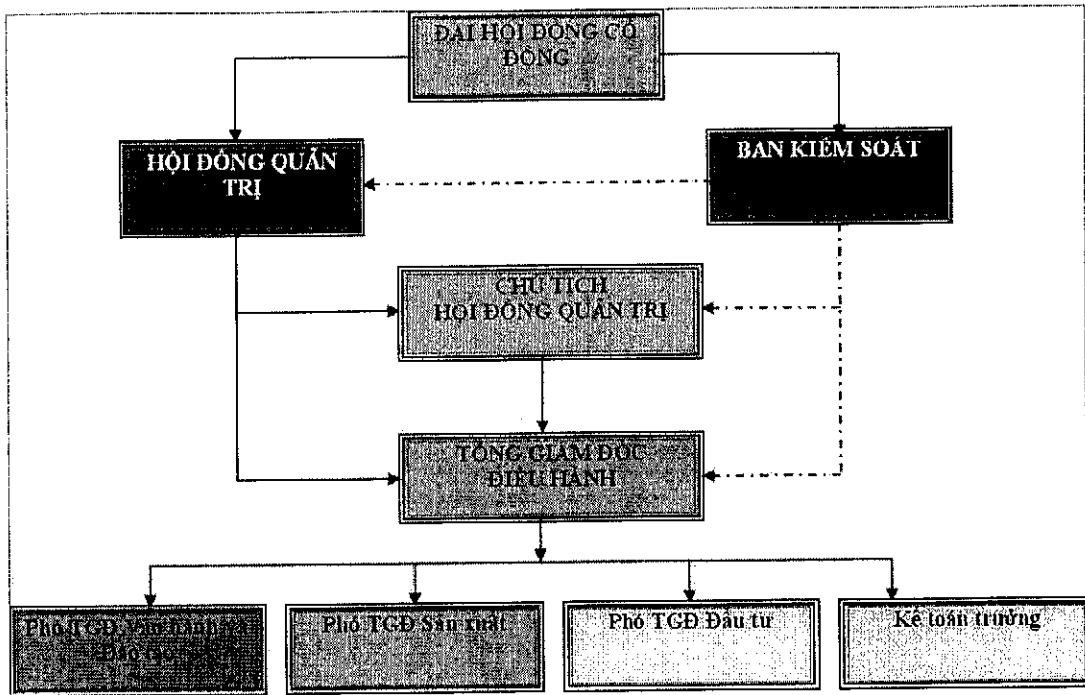
### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

\* Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;

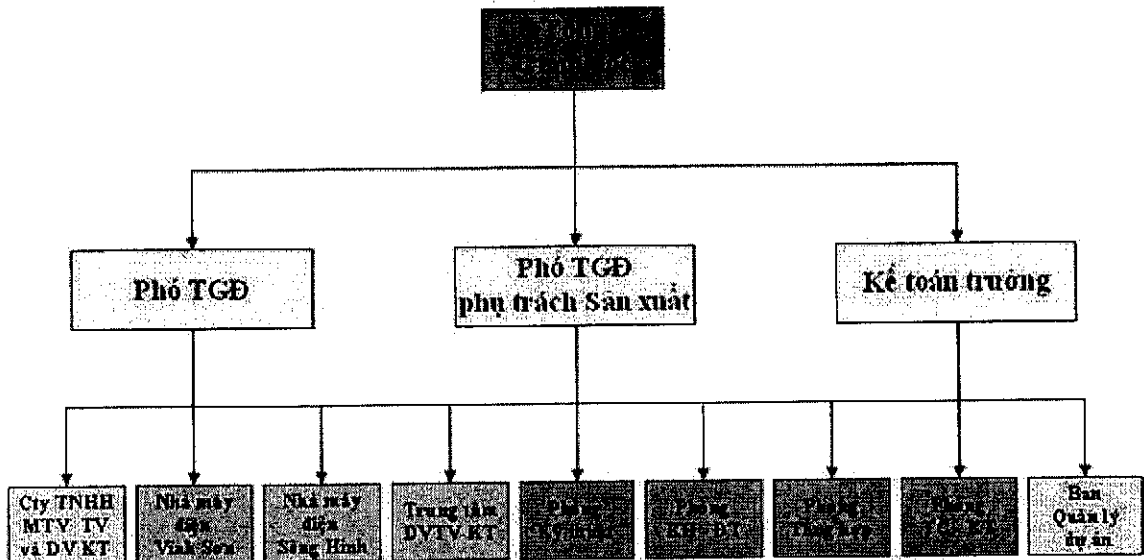
\* Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Bình Định và Phú Yên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



### 4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

#### + Công ty con:

- Tên: Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát các công trình xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

#### + Công ty liên kết:

- Tên: Công ty cổ phần Du lịch Bình Định
- Địa chỉ: 08 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lễ hành.
- Vốn điều lệ thực góp: 12.495.763.576 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49,72%

### 5. Định hướng phát triển:

#### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

\* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

\* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

#### 5.2. Chiến lược phát triển :

##### \* Chiến lược phát triển ngắn hạn:

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thủy điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh

- + Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư: 100x10<sup>9</sup> đồng
- + Tiến độ thực hiện: 2009 - 2015

##### \* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:

- + Công suất lắp máy: 220 MW

+ Điện lượng trung bình năm:	1.094,2 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	5.744x10 <sup>9</sup> đồng
+ Tiến độ thực hiện:	2009 - 2015
- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:	
* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:	
+ Công suất lắp máy:	100 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	365,6 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	2.300x10 <sup>9</sup> đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện
* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:	
+ Công suất lắp máy:	30 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	113 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	777x10 <sup>9</sup> đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện

### **5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Về môi trường, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm và định kỳ báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh xung quanh hồ chứa cũng như nhà máy theo đúng nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Về xã hội và cộng đồng, Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế - xã hội của địa phương, bao gồm: tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại nhà máy và công trường; tăng thu nhập cho người dân; hỗ trợ phát triển ngành thương mại dịch vụ quy mô nhỏ tại địa phương; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp đường, xây dựng hệ thống đường điện...

## **6. Các rủi ro:**

### **6.1. Rủi ro chung:**

\* *Rủi ro về kinh tế:* Trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.

\* *Rủi ro về pháp luật:* Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến sản xuất và kinh doanh điện năng. Với đặc điểm hệ thống luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định và không nhất quán khả năng vẫn có những thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... Điều này có thể ảnh hưởng đến

hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

## **6.2. *Rủi ro đặc thù:***

\* *Rủi ro về thời tiết:* Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi lượng mưa ảnh hưởng tới chu kỳ thủy văn và dòng chảy của sông, làm ảnh hưởng đến sản lượng phát của các dự án thủy điện. Lượng trầm tích tăng lên cũng có thể làm tăng tốc độ bồi lắng lòng hồ và làm tuabin máy phát mau hư hỏng, dẫn tới giảm sản lượng phát điện. Trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế làm ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

\* *Rủi ro về giá điện:* Thị trường điện Việt Nam bắt đầu thực hiện từ ngày 01/07/2012, các nhà máy thủy điện chỉ có thể bán điện cho đơn vị duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó còn nhiều bất cập như đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện với EVN rất khó khăn, thiếu minh bạch và thường kéo dài; giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN do vậy xuất hiện nguy cơ giá của EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư vào hoạt động sản xuất.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### ***1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:***

- Năm 2014, diễn biến thời tiết khu vực miền Trung, Tây Nguyên khá phức tạp, thời tiết khô hạn nghiêm trọng, nắng nóng gay gắt, kéo dài trong 9 tháng đầu năm làm cho lưu lượng nước về tại các hồ của hai nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh rất thấp, chỉ bằng khoảng 50% so với lưu lượng về của các năm trước. Điều này đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh, dẫn đến sản lượng điện phát cả năm tương đối thấp so với trung bình nhiều năm.

- Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLĐ – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

- Kể từ năm 2012, EVN thực hiện lộ trình thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty là một trong các công ty phát điện phải tham gia. Công ty đã chuẩn bị tốt các điều kiện tham gia quản lý chào giá, nhân sự và cơ sở hạ tầng như: thông tin, hệ thống đo đếm... cho nên công tác chào giá hàng ngày, hàng tuần và tháng đạt kết quả tương đối tốt.

**1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

ĐV: tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr KWh	741,00	674,52	91,03
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	484,72	583,00	120,27
	DT từ SX điện, DV		436,97	551,59	126,23
	DT từ hoạt động TC		46,50	28,52	61,33
	DT khác		1,25	2,89	231,20
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	286,12	401,24	140,23
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	265,88	359,27	135,13
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	12,89	17,42	135,15
6.	Tỷ lệ cố tức	%	10	10	100

Cuối năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho giai đoạn từ năm 2010-2013 và từ năm 2014 trở đi. Các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở giá bán điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Trong tổng doanh thu từ sản xuất kinh doanh điện có 98,24 tỷ đồng là doanh thu bán điện điều chỉnh cho giai đoạn từ 2010-2013.

**2. Tổ chức và nhân sự:**

**2.1. Danh sách Ban điều hành:**

- Võ Thành Trung: Tổng Giám đốc
- Hoàng Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc
- Dương Tấn Tường: Phó Tổng Giám đốc
- Huỳnh Công Hà: Kế toán trưởng.

**2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu:**

**1. Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc**

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: 260.370 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,12 %
- Quá trình công tác:
  - 12/1988-10/1994: Kế toán tổng hợp Ban QLDA công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
  - 10/1994-4/2005: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
  - 4/2005 – 4/2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

5/2008 - nay                      Tổng Giám đốc công ty cổ phần Thủy điện  
Vĩnh Sơn – Sông Hình

**2. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo**

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu 03 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP 0,00%
- Quá trình công tác:
  - 8/1992-8/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
  - 9/1994-12/2000: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 1/2001-9/2003: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 10/2003-6/2005: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 7/2005-11/2009: Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình

**3. Ông Dương Tấn Tường - Phó Tổng Giám đốc sản xuất**

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc sản xuất
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu 18.500 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP 0,01%
- Quá trình công tác:
  - 1999-2000: Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
  - 2000-2001: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 2001-2006: Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hình
  - 3/2007-7/2008: Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
  - 8/2008-3/2009: Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình
  - 4/2009-12/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình



1/2010-nay

Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình

#### **4. Ông Huỳnh Công Hà – Kế toán trưởng**

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: Không
- Tỷ lệ sở hữu CP: Không
- Quá trình công tác:
  - 01/1987 – 09/1993: Kế toán tổng hợp, Công ty Vật tư thành phố Quy Nhơn
  - 10/1993 – 04/2008: Thanh tra viên, Thanh tra tỉnh Bình Định
  - 05/2008 – 10/2008: Thanh tra viên chính, Thanh tra tỉnh Bình Định
  - 11/2008 – 06/2009: Phó phòng Tài chính-Kế toán, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình.
  - 07/2009 – nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình

**2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không

**2.4. Cán bộ nhân viên:**

\* Số lượng CB-NV tính đến 31/12/2014: 134 người

\* Các chính sách đối với người lao động:

**- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

*Tuyển dụng:* Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

*Đào tạo:* Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

*Thu hút nhân tài:* Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân

viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

**- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

*Chính sách lương:* Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

*Chính sách thưởng:* Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

*Phúc lợi:* Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm: Không có.

3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:

*a. Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:*

\*. Thi công xây dựng các công trình phụ trợ:

- Thi công xây dựng hoàn thành 36 km đường giao thông tỉnh lộ 676 theo tiêu chuẩn cấp VI miền núi, kết cấu mặt bằng BTXM (trong đó có 8km đường tránh ngập lòng hồ) từ trung tâm huyện KonPlông đến các xã Măng Cành, Đăk Tăng, Măng Bút để phục vụ thi công công trình đồng thời phục vụ giao thông cho nhân dân các xã phía bắc của huyện KonPlông.

- Thi công xây dựng hoàn thành 29km đường dây 35kV từ trạm 110kV KonPlông đến xã Ngọc Tem và 12km đường dây 22kV để cấp điện thi công cụm đầu mối và khu vực nhà máy, đồng thời cấp điện sinh hoạt cho nhân dân xã Ngọc Tem.

- Thi công xây dựng hoàn thành hơn 15km các tuyến đường: Đường vào tuyến đập, Đường vào hầm xả, Đường vào nhà máy; Đường vào cửa nhận nước, Đường Sơn Lập - Nhà máy để phục vụ thi công công trình chính.

\*. Thi công xây dựng công trình chính:

\*.1. Tuyến áp lực (bao gồm đập dâng và đập tràn xả lũ).

Đập dâng và đập tràn xả lũ do Tổ hợp Nhà thầu Công ty CP Xây dựng 47, Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tiên Dung Kon Tum và Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 1 thiết kế, thi công và cung cấp thiết bị đập tràn xả lũ, cơ bản đảm bảo tiến độ đề ra. Đến cuối năm 2014, khối lượng thi công như sau:

- Đập dâng:

+ Đào đất hố móng:	305.864 m <sup>3</sup> (hoàn thành)
+ Đập đá lắng trụ thượng lưu:	493.560 m <sup>3</sup> (hoàn thành)
+ Đập đá lắng trụ hạ lưu:	106.500 m <sup>3</sup> /158.131 m <sup>3</sup>
+ Đập đất chống thấm thượng lưu:	178.000 m <sup>3</sup> (hoàn thành)
+ Đập đất thân đập:	95.000 m <sup>3</sup> / 1.456.208 m <sup>3</sup>

- Đập tràn:

+ Đào đất hố móng:	850.942 m <sup>3</sup> / 862.214 m <sup>3</sup>
+ Đào đá hố móng:	106.758 m <sup>3</sup> /109.178 m <sup>3</sup>

\*.2. Tuyến năng lượng:

- Cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước:

+ Thi công hoàn thành phần móng và gia cố mái cửa nhận nước.  
+ Thi công hoàn thành 3.100m/5.000m đường hầm dẫn nước (bằng phương pháp khoan nổ thủ công).

- Đường hầm dẫn nước: hướng đào từ dưới lên bằng máy đào TBM:

Nhà thầu đã hoàn thành việc mua thiết bị máy đào TBM (của hãng Robbins - Mỹ), vận chuyển, lắp đặt, và đã đưa vào vận hành thử, đã đưa vào vận hành chính thức đầu năm 2013. Đến năm 2014 đào được 1.892m/12.447 m.

- Hầm giao thông: Đào 1.738md đường hầm, hoàn thành đường hầm giao thông, đang triển khai thi công đào vòm nhà máy.

- Hầm xả: Đã thi công được 1702m/1.8977m.

- Hầm áp lực: Đã thi công 640md/640md.

- Gian biến áp: Công tác đào đá là 10.130m<sup>3</sup>/16.190m<sup>3</sup> (đạt 63% khối lượng TK);

- Nhà máy: Công tác đào đá là 10.710 m<sup>3</sup>/53.029m<sup>3</sup> (đạt 20% khối lượng TK);

- Hầm cấp: đào được 322md (đạt 100% khối lượng TK);

\*.3. Khu quản lý vận hành:

Đã thi công được 50% khối lượng của hạng mục này.

\*.4. Công tác rà phá bom, mìn, và xử lý chất độc hóa học:

Công tác rà phá bom, mìn, và xử lý chất độc hóa học trong khu vực xây dựng công trình và khu vực lòng hồ do Quân khu 5 đảm nhận, công tác này hoàn thành từ giữa năm 2011.

Đang chuẩn bị công tác thu dọn lòng hồ theo đúng quy định, trước khi tích nước.

**\*.5. Thiết bị cơ điện nhà máy:**

Gói thầu cung cấp thiết bị cơ điện nhà máy đã được Chủ đầu tư tổ chức đấu thầu rộng rãi quốc tế từ đầu năm 2012. Đã lựa chọn được nhà thầu cung cấp là Andritz Hydro thuộc Nước Cộng hòa Áo. Hợp đồng cung cấp thiết bị đã được hai Bên ký kết vào ngày 15/8/2012, giá trị hợp đồng 35.489.858 USD.

Nhà cung cấp thiết bị đảm bảo giao hàng theo đúng tiến độ đề ra, đến nay một số thiết bị như: các chi tiết đặt sẵn, thiết bị cầu trục nhà máy... đã chế tạo xong Công ty tổ chức nhận hàng và bảo quản thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Công ty đã đàm phán với Nhà thầu lùi thời gian sản xuất các thiết bị điều khiển DCS, hệ thống kích từ, điều tốc... hai bên sẽ thống nhất kế hoạch giao hàng sau khi chốt được tiến độ phân xây dựng.

**\*.6. Việc thu xếp vốn cho dự án:**

Vốn tự có của Chủ đầu tư đã tích lũy được từ năm 2005 đến nay là 30%, còn lại 70% là vốn vay.

Chủ đầu tư đã ký hợp đồng vay vốn tín dụng xuất khẩu với ngân hàng RAIFFISENLANDESBANK OBEROSTERREICH AKTIENGESELLSCHAFT thuộc Nước Cộng hòa Áo số tiền là 27.100.933 USD và 3.000.000 EUR. Phần vốn còn lại các Ngân hàng thương mại trong nước đã có cam kết thu xếp đủ vốn cho Dự án, đã hoàn chỉnh thủ tục vay vốn, các Bên sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng trong thời gian đến.

Đến nay, Chủ đầu tư đã thanh toán khối lượng xây dựng hoàn thành và tạm ứng cho các nhà thầu hơn 1.800 tỷ đồng.

**\*.7 Công tác bồi thường-GPMB, di dân, tái định cư.**

- Công tác bồi thường-GPMB:

Cơ bản hoàn thành công tác đền bù – GPMB cho toàn bộ dự án. Phương án bồi thường chi tiết toàn bộ Dự án đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt, đến nay Chủ đầu tư đã phối hợp cùng Hội đồng bồi thường -GPMB của huyện Kon Plông chi trả tiền bồi thường cho người dân bị thiệt hại với số tiền là: 92 tỷ đồng, trên tổng số 118,343 tỷ đồng theo Quyết định phê duyệt; số còn lại chủ yếu là các chi phí hỗ trợ, sẽ được giải ngân theo tiến độ di dân. Ngoài ra, trong năm 2014 VSH đã chi trả 7,2 tỷ/10 tỷ đồng tiền bồi thường, trồng lại rừng.

- Công tác di dân, tái định cư:

Công tác di dân, tái định cư được Thủ tướng Chính phủ cho phép tách thành Dự án thành phần di dân, tái định cư của Dự án thủy điện Thượng Kon Tum và giao cho UBND tỉnh Kon Tum làm chủ đầu tư. Dự án thành phần

đã được triển khai thực hiện từ đầu năm 2010; đến nay đạt được khoảng 80% tổng khối lượng của Dự án thành phần, đáp ứng được tiến độ chung của Dự án.

\*.8. Công tác thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất xây dựng Dự án.

Chuyển mục đích sử dụng đất lúa nước và đất rừng phòng hộ: thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất của các Bộ ngành, UBND tỉnh Kon Tum đã thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và có Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 điều chỉnh 344,2 ha rừng phòng hộ đầu nguồn để xây dựng Dự án thủy điện Thượng Kon Tum.

*b. Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:*

Do điều kiện thu xếp vốn khó khăn, và để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng dự án. Ban QLDA chỉ thi công hoàn thiện các công trình phụ trợ như: đường vào nhà máy, đường vào tuyến đập và nhà quản lý điều hành Ban QLDA tại Vĩnh Sơn.

*c. Các Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn và thủy điện Sông Hinh:*

*\* Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn:*

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.

*\* Nâng cấp hồ Sông Hinh:*

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện M'Đrăk thuộc tỉnh Đăk Lăk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

**3.2. Các công ty con và công ty liên kết: (đến 31-12-2014)**

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty con	Công ty liên kết
1. Tổng tài sản	7,02	27,21
2. Vốn điều lệ thực góp	5,00	12,49
3. Tỷ lệ sở hữu	100%	49,72
4. DT bán hàng và dịch vụ	4,34	15,81
5. Lợi nhuận trước thuế	0,21	3,28
6. Lợi nhuận sau thuế	0,17	2,62

7. Lợi nhuận chuyển về CT	-	1,14
---------------------------	---	------

#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1. Tình hình tài chính: (đến 31-12-2014)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	3.639,55	3.664,95	99,31
2. DT bán hàng và dịch vụ	554,48	283,68	195,46
3. Doanh thu tài chính	28,52	93,66	30,45
4. LN thuần từ hoạt động KD	400,09	224,79	177,98
5. Lợi nhuận khác	0,01	0,01	100
6. Lợi nhuận từ công ty liên kết	1,14	1,33	85,71
7. Lợi nhuận trước thuế	401,24	226,13	177,44
8. Lợi nhuận sau thuế	359,27	197,39	182,01
9. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (10%)	51,40%	90%	57,11

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
<b>Cơ cấu tài sản</b>				
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,12	34,29	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,88	65,71	
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18,60	28,77	
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81,40	71,23	
<b>Khả năng thanh toán</b>				
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,83	1,40	
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5,38	3,19	
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>				
- Tsuất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,87	5,39	

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	61,62	52,29	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	17,42	9,57	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

### 5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2014: 206.241.246 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2014: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông: (tính đến 02/04/2015)

Số cổ phần hiện tại: 206,241,246 CP (5.529 cổ đông)

Trong đó:

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 112.514.878 CP chiếm 54,55%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 93.726.368 CP chiếm 45,45%

Trong đó:

- + Cổ đông trong nước sở hữu : 40.174.178 CP chiếm 19,48%
  - \* Cổ đông là tổ chức : 3.833.117 CP chiếm 1,86%
  - \* Cổ đông là cá nhân : 36.341.061 CP chiếm 17,62%
- + Cổ đông nước ngoài sở hữu : 52.978.911 CP chiếm 25,69%
  - \* Cổ đông là tổ chức : 51.896.292 CP chiếm 25,16%
  - \* Cổ đông là cá nhân : 1.082.619 CP chiếm 0,53%

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2014: Không có.
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có.

### 5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong điều kiện tình hình kinh tế không ổn định, thị trường chứng khoán đi xuống, tính thanh khoản thấp, Công ty đã có những chính sách thận trọng trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2014 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

- Mặc dù tình hình thời tiết không được thuận lợi, các hồ chứa không được tích đủ nước như hàng năm nhưng với sự tổ chức điều hành hợp lý của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong

việc điều tiết các hồ chứa và quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện, đặc biệt là trong công tác thị trường điện.

- Năm 2014, Công ty đã có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho giai đoạn 2010-2013 và từ năm 2014 trở đi, Công ty cũng đã tiến hành điều chỉnh các số liệu tài chính trên cơ sở giá bán điện đã được thỏa thuận trong năm 2014.

- Công tác đầu tư xây dựng dự án thủy điện Thượng Kon Tum gặp rất nhiều khó khăn chủ yếu là hạng mục Tuyển năng lượng do nhà thầu Trung Quốc thi công bằng TBM đã chấm dứt hợp đồng và ngừng thi công. Để tiếp tục triển khai các hạng mục và tái khởi động lại dự án, trong thời gian qua HĐQT Công ty và các cổ đông lớn như GENCO3 và SCIC đã đưa ra các định hướng quan trọng để xử lý các vấn đề hiện tại và lâu dài cho dự án này. Ban điều hành cũng đang tích cực triển khai và xử lý các vướng mắc khó khăn về pháp lý của dự án để hạng mục Tuyển năng lượng thi công bằng TBM sẽ được tái khởi động lại vào đầu năm 2015.

### ***1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:***

Trong năm 2014 Công ty đã củng cố vững chắc văn hóa kinh doanh mới, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

#### ***\*Trong công tác quản lý:***

- Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

- Kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

- Ngoài ra, hoạt động của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH cũng đã đem lại những hiệu quả thiết thực, góp phần giảm chi phí đầu tư các dự án và đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

#### ***\*Trong công tác kiểm soát:***

- Năm 2014, Công ty đã tiến hành áp dụng thực hiện chương trình Kaizen/5S cho tất cả các bộ phận quản lý cũng như các nhà máy sản xuất, tối ưu hóa các quy trình, công việc, đảm bảo duy trì công tác sẵn sàng sản xuất, tiến tới đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.



- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

- Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi và ban hành Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty.

## **2. Tình hình tài chính:**

### **2.1. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản tính đến 31/12/2014 có giảm hơn so với tại thời điểm 31/12/2013 do tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tài sản ngắn hạn: giảm, chủ yếu là giảm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty (do Công ty đã sử dụng phần lớn các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn để thanh toán các khoản nợ vay bắt cầu cho dự án Thượng Kon Tum).
- Tài sản dài hạn: tăng, chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đầu tư xây dựng các dự án trong năm.

Trong cơ cấu tài sản không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **2.2. Tình hình nợ phải trả:**

Tình hình nợ phải trả hiện tại: Các khoản nợ hiện tại chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn, không có biến động lớn về các khoản nợ. Cụ thể:

- Vay và nợ ngắn hạn: Với tình hình hiện tại là đang đàm phán để ký kết các hợp đồng trung dài hạn cho các dự án, Công ty tạm thời sử dụng dòng tiền hiện có để đối ứng vay ngắn hạn thanh toán cho các dự án. Khoản vay này phần lớn đã được Công ty thanh toán, số còn lại sẽ được chuyển sang trung dài hạn khi ký hợp đồng tài trợ chính thức cho dự án.
- Vay và nợ dài hạn: Chủ yếu là các khoản vay dài hạn của nước ngoài để xây dựng nhà máy thủy điện Sông Hinh. Các khoản vay này sẽ được trả hết vào năm 2035.

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch tỷ giá cũng không có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì số dư nợ ngoại tệ còn tương đối thấp và trong năm cũng không có biến động lớn về tỷ giá.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Năm 2014, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình

quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

Trong thời gian vừa qua, hoạt động của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH đã đem lại những hiệu quả thiết thực. Hiện tại, Công ty đang tiến hành điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức cũng như phương án kinh doanh cho phù hợp để đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong điều kiện hiện nay.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Năm 2014, việc thực hiện đầu tư các dự án thủy điện chưa đúng tiến độ theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị do vướng mắc một số thủ tục (đặc biệt là ảnh hưởng của việc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu Trung Quốc). Tuy nhiên, Công ty vẫn không ngừng xem xét các giải pháp thay thế, đồng thời cũng thực hiện linh hoạt và đồng bộ việc đảm bảo kế hoạch nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo trên cơ sở phát huy nguồn vốn tự có tích lũy và huy động từ bên ngoài. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

##### **4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn:**

Nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông khi phát hành tăng vốn điều lệ và vốn tự có đối ứng để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

- Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.
- Nâng cấp hồ Sông Hinh: Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện MĐ'rak thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

##### **4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn:**

- Dự án Thượng Kon Tum: tích cực thực hiện các giải pháp thay thế để tiếp tục khởi động thực hiện các hạng mục của dự án sớm nhất, đảm bảo theo đúng tiến độ hiệu chỉnh được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Dự án Vĩnh Sơn 3: Hiện tại Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xem xét việc tái khởi động lại dự án. Đến thời điểm thích hợp, dự án sẽ được tiếp tục thực hiện.

#### **4.3. Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:**

- Năm 2014, tình hình vốn ở các ngân hàng thương mại tương đối ổn định nên phần nào tác động thuận lợi đến việc huy động vốn của Công ty. Hiện tại Công ty đang hoàn thiện thủ tục huy động vốn vay từ các ngân hàng thương mại trong nước để thực hiện để thực hiện các dự án.
- Dự kiến khi tình hình tài chính thuận lợi, Công ty sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi dự án cần vốn. Trong những năm tới, Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tài chính để đảm bảo khi dự án hoàn thành, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ là 40/60.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:** Không có.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2014 là năm Công ty gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, do tình hình thủy văn mùa mưa năm 2014 không thuận lợi, lượng mưa thấp hơn trung bình nhiều năm, mùa mưa đến muộn 15/12/2014 mới có mưa lớn khu vực hồ Sông Hình, nên sản lượng điện phát các tháng cuối năm rất thấp so với trung bình nhiều năm. Các tháng cuối năm 2014 vừa phát điện vừa tích nước cho 2015 nên sản lượng điện phát cả năm chỉ đạt 680,5/750 triệu kWh, không đạt sản lượng kế hoạch đề ra.

Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLD – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

Năm 2014, tuy thời tiết không được thuận lợi nhưng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả các nhân viên trong Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh tài chính và đầu tư xây dựng vẫn đạt kết quả tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều hoàn thành kế hoạch được giao.

### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Nhìn chung, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đúng các chức năng theo quy định của Điều lệ Công ty. Tình hình sản xuất kinh doanh điện năng năm qua có khó khăn, dù đã có nhiều cố gắng trong quản lý và điều hành như các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra.

Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động đều; có sự năng động

trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Năm 2015, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

1- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

#### **2.1- Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện:**

Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư. Cụ thể như sau:

##### **\* Dự án thủy điện Thương Kon Tum**

- Tái khởi động các công việc còn lại của gói thầu: thiết kế và thi công Tuyến năng lượng đoạn 2 do Nhà thầu Trung quốc chấm dứt Hợp đồng. Điều chỉnh kế hoạch thi công gói thầu Tuyến áp lực, bao gồm: đập dâng, đập tràn cho phù hợp với tiến độ chung của Dự án sau khi điều chỉnh. Làm việc với Nhà thầu cung cấp thiết bị để điều chỉnh kế hoạch sản xuất và giao hàng phù hợp với tiến độ phân xây dựng.

- Thi công xây dựng hoàn thành các công trình phụ trợ, như: hạng mục: Đường dây 22kV tránh ngập lòng hồ; hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Vi Rô Ngheo – Đak Sa.

- Hoàn thành cơ bản công tác đền bù - giải phóng mặt bằng.

- Hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng trong khu vực lòng hồ, phân đấu hoàn thành công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi và giao đất toàn bộ Dự án.

- Thu xếp vốn cho dự án: tiếp tục làm việc với các Ngân hàng thương mại trong và ngoài nước thu xếp vốn cho Dự án, hoàn thành công tác ký kết hợp đồng.

##### **\* Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:**

Hoàn thiện các yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định về bảo đảm môi trường xây dựng các công trình phụ trợ: đường vào nhà máy, đường vào đập;

##### **\* Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn:**

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước.

##### **\* Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Sông Hinh:**

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phân đất ở huyện Ma Đ'Răk thuộc tỉnh Đắk Lắk.

## **2.2- Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực:**

Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.

## **2.3- Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp:**

Cân đối nguồn vốn (từ vốn tích lũy và vốn vay) để sử dụng cho các dự án đầu tư trong năm 2015 của Công ty một cách hiệu quả nhất.

## **2.4- Quản trị doanh nghiệp:**

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của Công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

# **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

## **1. Hội đồng quản trị**

### **1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

#### **1.1.1. Danh sách:**

- Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Trọng Hiền - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 27/06/2014)
- Ông Trần Mạnh Hữu - Ủy viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 27/06/2014)
- Ông Phan Hồng Quân - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Hồng Sơn - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành.

#### **1.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	37.828.682	18.513	37.810.169	18,33
2. Võ Thành Trung	Ủy viên	25.467.149	260.370	25.206.779	12,22
3. Trần Mạnh Hữu	Ủy viên	49.497.896	0	49.497.896	24,00
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên	0	0	0	0
5. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên	22.262.810	0	22.262.810	10,79

#### **1.1.3. Chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:**

Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐQT tại các Công ty khác
Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	- Chủ tịch CT, Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH
Võ Thành Trung	Ủy viên	- Chủ tịch HĐQT, CTCP Du lịch Bình Định
Trần Mạnh Hữu	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Traphaco - TV HĐQT, CTCP Xi măng Cẩm Phả - TBKS, CTCP Gang thép Thái Nguyên
Phan Hồng Quân	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Lọc hóa dầu Việt Nam - CT HĐQT, CTCP Đầu tư XNK Trần Thành
Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Chứng khoán Phụng Hoàng - TV HĐQT, CTCP Đầu tư TC Phụng Hoàng - TV HĐQT, CTCP Thực phẩm Việt Nam

**1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:** Có một tiểu ban:

Tiểu ban Kinh tế - Kỹ thuật được thành lập theo nghị quyết số 469/2014/NQ-VSH-HĐQT ngày 21/04/2014 của Hội đồng quản trị.

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm qua, HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ, trực tiếp 06 lần, họp qua truyền hình 03 lần và họp qua thư 22 lần, thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tập trung vào các vấn đề sau:

1- Bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp đều có kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ từng quý và đề ra nhiệm vụ công tác cho quý sau phù hợp với các nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đã điều chỉnh kịp thời trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với diễn biến thời tiết và thị trường điện.

2- Triển khai đầu tư xây dựng:

Dự án thủy điện Thượng Kon Tum: Trong năm 2014, Công ty đã chấm dứt hợp đồng: Thiết kế và Thi công Tuyến năng lượng đoạn 2 với Tổ hợp Nhà thầu Trung Quốc (Hydochina Huadong và CR18G) do Nhà thầu tự ý tạm dừng và dừng thi công công trình. HĐQT và Ban ĐH đã thực hiện các bước thủ tục để tái khởi động hạng mục này.

- 3- Đàm phán giá bán điện: Đã ký Hợp đồng mua bán điện với EVN từ năm 2010 – 2014 và các năm tiếp theo.
- 4- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế phục vụ công tác quản trị và điều hành các hoạt động của Công ty.
- 5- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

**1.4. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Ông Nguyễn Văn Thanh
- Ông Võ Thành Trung
- Ông Trần Mạnh Hữu
- Ông Phan Hồng Quân
- Ông Nguyễn Hồng Sơn

**2. Ban Kiểm soát:**

**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

- Ông Nguyễn Đức Anh – Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 27/06/2014)
- Ông Nguyễn Việt Hà – Trưởng BKS (bỏ nhiệm ngày 27/06/2014)
- Ông Trương Minh Hùng –Thành viên BKS
- Bà Vũ Phương Thảo – Thành viên BKS

Ban kiểm soát gồm 03 người đều là thành viên độc lập không điều hành.

**2.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:**

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Việt Hà	Tr. ban	0			
2. Trương Minh Hùng	T. viên	0			
3. Vũ Phương Thảo	T. viên	0			

**2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát tham gia họp định kỳ 06 lần và tiến hành kiểm soát trực tiếp tại Công ty 02 lần, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định theo pháp luật và quy định của Công ty. Ý kiến kết luận của Ban Kiểm soát như sau:

**2.3.1 Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Công ty:**

- Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa đối với các nhà máy điện theo đúng kế hoạch để giảm tối thiểu suất sự cố, tăng sản lượng điện phát.

- Chú trọng công tác kinh doanh thị trường điện để tăng doanh thu trong điều kiện thời tiết dự báo khô hạn trong năm 2015.

### 2.3.2 Đối với Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

- Tìm kiếm nhân sự Trưởng Ban quản lý có kinh nghiệm và chuyên môn kỹ thuật đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Trưởng Ban quản lý của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Trong trường hợp không thực hiện được, đề nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty nghiên cứu phương án thuê 01 ban quản lý dự án của EVN có năng lực và kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án có quy mô và tính chất tương tự.

- Xem xét thay thế tư vấn giám sát hiện thời bằng đơn vị tư vấn giám sát có năng lực và kinh nghiệm trong giám sát các dự án thi công bằng thiết bị TBM.

- Khẩn trương tìm biện pháp, tiếp tục triển khai thi công tuyển năng lượng, đảm bảo đưa Dự án vào vận hành và phát điện thương mại trong thời gian sớm nhất.

- Lập tổ công tác phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn pháp lý để giải quyết tranh chấp với nhà thầu Trung Quốc tại Trung tâm trọng tài Việt Nam (VIAC), đảm bảo giảm thiểu giá trị bị nhà thầu Trung Quốc đòi bồi thường, thu hồi được giá trị cao nhất cho Công ty.

### 2.3.3 Các ý kiến khác:

- Khẩn trương rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và các quy trình, quy chế nội bộ theo Luật doanh nghiệp 2014 và các quy định pháp luật hiện hành.

- Nỗ lực làm việc với các cơ quan chức năng để đảm bảo quyền sở hữu và quyền phát triển đối với các dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và Vĩnh Sơn 3

### 2.3.4 Các nhận xét đặt biệt khác: Không.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐV: triệu đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số	Trong đó		
			Lương Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác
<b>Hội đồng quản trị (*)</b>					
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	832,03	722,22		109,81
2. Trần Mạnh Hữu	Ủy viên				
3. Nguyễn Việt Thắng					
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên				
5. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên				
6. Nguyễn Trọng Hiền					



<b>Ban Giám đốc</b>					
1. Võ Thành Trung	TGD	830	624		206
2. Hoàng Anh Tuấn	PhóTGD	613,87	523,99	38,39	51,50
3. Dương Tấn Tường	PhóTGD	652.32	532,99	37,79	81,54
<b>Ban Kiểm soát (*)</b>					
1. Nguyễn Việt Hà	Tr. ban				
1. Nguyễn Thị Thu Hà					
2. Nguyễn Trung Hậu					
3. Nguyễn Đức Anh					
4. Nguyễn Xuân Việt Anh					
5. Trương Minh Hùng	T. viên				
6. Vũ Phương Thảo	T. viên				

(\*) Danh sách trên bao gồm cả những thành viên đã miễn nhiệm nhưng chưa nhận thù lao kể từ năm 2010.

### **3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Hội đồng quản trị: Không có  
Ban Kiểm soát: Không có  
Ban Giám đốc: Không có  
Kế toán trưởng: Không có  
Thư ký công ty: Không có  
Cổ đông lớn:

- Ngày 23/7/2014 Tổ chức VIAC (NO.1) Limited Partnership hoàn thành việc bán 1.968.390 CP, CPSH sau giao dịch 16.575.430 CP (chiếm 8.04% vốn điều lệ).
- Ngày 10/11/2014 Tổ chức VIAC (NO.1) Limited Partnership hoàn thành việc mua 4.000.000 CP, CPSH sau giao dịch 20.575.430 CP (chiếm 9.98% vốn điều lệ).
- Ngày 12/12/2014 Tổ chức VIAC (NO.1) Limited Partnership hoàn thành việc mua 721.530 CP, CPSH sau giao dịch 21.296.960 CP (chiếm 10.33% vốn điều lệ).
- Ngày 27/12/2014 Tổ chức HALLEY SICAV – HALLEY ASIAN PROSPERITY hoàn thành việc mua 551.420 CP, CPSH sau giao dịch 10.346.120 CP (chiếm 5.02% vốn điều lệ).

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015 từ trang 5 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 16 tháng 12 năm 2014, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và hết hiệu lực tại thời điểm muộn hơn giữa ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc 10 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Doanh thu bán điện trong năm 2014 của Công ty đã được tính dựa trên giá quy định của hợp đồng này, đồng thời, phần doanh thu tăng thêm sau khi thống nhất với Công ty mua bán điện cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013 được Công ty ghi nhận vào doanh thu năm hiện hành. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan tới các vấn đề này.

**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chúng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE**  
**VIỆT NAM**

**Trần Tùng**  
**Kiểm toán viên**

Chúng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán  
số 1941-2013-001-1

Ngày tháng 3 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (đính kèm)**

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CÔNG TY CP TĐ VINH SƠN - SÔNG HÌNH**



**Nguyễn Văn Thanh**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	100		987.069.741.251	1.256.830.021.465
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	5	229.958.976.756	573.932.274.705
1. Tiền	111		21.458.976.756	31.292.274.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		208.500.000.000	542.640.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		32.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	32.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		687.752.645.714	628.100.688.027
1. Phải thu khách hàng	131		481.870.055.348	157.474.230.447
2. Trả trước cho người bán	132	7	196.934.521.286	435.585.660.989
3. Các khoản phải thu khác	135	8	8.948.069.080	35.040.796.591
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	9	36.358.354.620	36.165.656.578
1. Hàng tồn kho	141		43.055.989.058	44.131.346.088
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.697.634.438)	(7.965.689.510)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		999.764.161	18.631.402.155
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.800.910	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	18.174.531.373
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		960.963.251	456.870.782
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	200		2.652.478.281.646	2.408.122.210.715
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		2.637.199.701.620	2.392.391.519.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	861.745.079.453	920.535.541.476
- Nguyên giá	222		2.986.330.074.701	2.968.224.024.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.124.584.995.248)	(2.047.688.483.017)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.775.454.622.167	1.471.855.977.615
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		12.495.763.576	12.907.597.718
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	12.495.763.576	12.907.597.718
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	260		2.782.816.450	2.823.093.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		168.414.771	208.692.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	2.614.401.679
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	270		<b>3.639.548.022.897</b>	<b>3.664.952.232.180</b>

3101  
CÁI  
TRÁCH  
DI  
VĨ  
NH

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>676.939.581.186</b>	<b>1.054.459.782.092</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>539.875.426.043</b>	<b>900.956.991.700</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	258.430.623.575	664.833.201.060
2. Phải trả người bán	312		194.347.290.471	38.062.851.850
3. Người mua trả tiền trước	313		1.305.647.133	1.055.829.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	40.060.390.411	63.552.605.285
5. Phải trả người lao động	315		5.481.180.990	6.165.673.747
6. Chi phí phải trả	316		962.146.640	3.777.970.899
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	32.332.664.858	119.278.078.476
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.955.481.965	4.230.781.383
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>137.064.155.143</b>	<b>153.502.790.392</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	137.064.155.143	153.502.790.392
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>2.962.608.441.711</b>	<b>2.610.492.450.088</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.962.116.895.762</b>	<b>2.609.648.860.003</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	6.332.468.038	6.332.468.038
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(8.541.577.222)	(8.575.787.126)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	853.533.544.946	501.099.719.091
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>491.545.949</b>	<b>843.590.085</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		491.545.949	843.590.085
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.639.548.022.897</b>	<b>3.664.952.232.180</b>

125  
NG  
HIỆM  
1.017  
T N  
0A - 1



Võ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương  
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp	10	19	554.477.454.826	283.679.694.907
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	157.907.244.181	131.397.958.047
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		396.570.210.645	152.281.736.860
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	28.519.380.179	93.660.509.156
5. Chi phí tài chính	22	22	5.539.656.996	5.802.431.136
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.295.090.497	3.682.556.544
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.455.318.184	15.354.301.862
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		400.094.615.644	224.785.513.018
8. Thu nhập khác	31		27.467.688	111.818.182
9. Chi phí khác	32		23.117.000	98.283.095
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.350.688	13.535.087
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		1.139.349.387	1.326.078.576
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		401.238.315.719	226.125.126.681
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	41.965.839.864	28.729.506.431
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		359.272.475.855	197.395.620.250
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.742	967



Võ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương  
Người lập

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN  
VĨNH SƠN  
SÔNG HÌNH  
QUY NHƠN - BÌNH ĐỊNH

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	401.238.315.719	226.125.126.681
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		50.615.687.858	(14.110.857.913)
- Khấu hao tài sản cố định	02	76.590.134.762	75.242.475.300
- Các khoản dự phòng	03	(1.268.055.072)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.657.247.237	1.888.778.517
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.658.729.566)	(94.924.668.274)
- Chi phí lãi vay	06	3.295.090.497	3.682.556.544
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	451.854.003.577	212.014.268.768
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(288.240.690.822)	(40.431.901.790)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	1.075.357.030	(5.238.219.113)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(78.824.877.576)	86.749.359.144
- Thay đổi chi phí trả trước	12	1.476.546	214.450.524
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.429.906.355)	(3.947.740.765)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.078.841.224)	(48.556.305.653)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	47.356.521.176	200.803.911.115
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(351.005.854.744)	(550.150.523.731)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (i)	22	428.260.928.498	-
3. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(32.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	-	181.118.326.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.885.308.388	111.573.553.099
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	78.140.382.142	(257.458.644.632)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	53.450.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	964.927.846.728	1.213.015.247.314
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.389.392.096.795)	(1.200.696.844.876)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(45.005.951.200)	(75.523.901.700)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(469.470.201.267)	(9.755.499.262)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(343.973.297.949)	(66.410.232.779)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	573.932.274.705	640.342.507.484
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	229.958.976.756	573.932.274.705

(i) Thể hiện số tiền nhận được theo bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng từ Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh liên quan tới việc tạm dừng thực hiện hợp đồng với nhà thầu xây dựng HydroChina Huadong - CR18G trong năm.

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm 33.235.684.486 VND là số tiền mua sắm xây dựng tài sản cố định được nghiệm thu trong năm trước và thanh toán trong năm nay.

Cổ tức đã trả trong năm bao gồm số tiền 45.005.951.200 VND là cổ tức đã công bố trong năm 2012 và được chi trong năm nay.

Vì vậy, các khoản tiền trong ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.



Võ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương  
Người lập



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình.

Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 134 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 132 người).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty con là Tư vấn và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

01  
00  
HN  
E1  
TET  
0A

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và đầu tư ngắn hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

250  
IG T  
EM H  
DITT  
NA  
TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình).

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong năm của Công ty bao gồm các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2 và 3. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty sẽ thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và đi vào hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CHỖ  
CHỮ  
TRÁI  
D  
DANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận kiểm tra.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

112  
ĐANG  
HÀNH  
21.0  
ET  
ĐA

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	679.227.711	706.216.207
Tiền gửi ngân hàng	20.779.749.045	30.586.058.498
Các khoản tương đương tiền (i)	208.500.000.000	542.640.000.000
	<u>229.958.976.756</u>	<u>573.932.274.705</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 14, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 86,5 tỷ VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 473,64 tỷ VND). Các hợp đồng tiền gửi này được hưởng lãi suất từ 4% đến 6%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác:	32.000.000.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	32.000.000.000	-
	<u>32.000.000.000</u>	<u>-</u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho các nhà thầu để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, chi tiết như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hydrochina Huadong - CR18G (i)	-	249.024.687.253
Andrizt Hydro GmbH	133.980.764.861	133.841.928.951
Các nhà thầu khác	62.953.756.425	52.719.044.785
	<u>196.934.521.286</u>	<u>435.585.660.989</u>

- (i) Trong năm 2014, tiến độ thi công các hạng mục công trình do Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G thực hiện chậm so với kế hoạch. Tại ngày 14 tháng 7 năm 2014, Công ty đã có công văn thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G. Trong năm, công ty đã nhận được tiền theo bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng từ Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền khoảng 428 tỷ. Số tiền này được bù trừ với số tiền Công ty đã ứng trước cho Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục quyết toán khối lượng xây dựng cơ bản dở dang với nhà thầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	914.666.666	3.734.247.467
Phải thu Công ty Mua bán điện (i)	-	28.589.573.003
Phải thu khác	8.033.402.414	2.716.976.121
	<u>8.948.069.080</u>	<u>35.040.796.591</u>

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản phải thu tương ứng với phần doanh thu tăng thêm khi Công ty tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2012.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.946.745.182	41.842.470.615
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.109.243.876	2.288.875.473
	<u>43.055.989.058</u>	<u>44.131.346.088</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.697.634.438)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>36.358.354.620</u>	<u>36.165.656.578</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	2.055.609.772.893	874.892.728.542	28.738.025.673	8.983.497.385	2.968.224.024.493
Tăng trong năm	-	17.631.131.875	300.585.000	220.000.000	18.151.716.875
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(45.666.667)	(45.666.667)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2.055.609.772.893</b>	<b>892.523.860.417</b>	<b>29.038.610.673</b>	<b>9.157.830.718</b>	<b>2.986.330.074.701</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	(1.184.123.577.913)	(838.535.152.752)	(22.901.410.487)	(2.128.341.865)	(2.047.688.483.017)
Khấu hao trong năm	(68.397.738.300)	(6.438.221.459)	(1.141.188.835)	(612.986.168)	(76.590.134.762)
Tăng khác	-	-	(300.278.352)	(51.765.784)	(352.044.136)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	45.666.667	45.666.667
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>(1.252.521.316.213)</b>	<b>(844.973.374.211)</b>	<b>(24.342.877.674)</b>	<b>(2.747.427.150)</b>	<b>(2.124.584.995.248)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	803.088.456.680	47.550.486.206	4.695.732.999	6.410.403.568	861.745.079.453
Tại ngày 31/12/2013	871.486.194.980	36.357.575.790	5.836.615.186	6.855.155.520	920.535.541.476

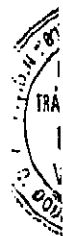
Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 303.477.903.264 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 329.227.740.444 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tổng giá trị là 862.895.123.265 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 861.096.697.848 VND).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	1.674.922.224.770	1.366.520.810.475
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	91.836.625.883	91.836.625.883
Khác	8.695.771.514	13.498.541.257
	<b>1.775.454.622.167</b>	<b>1.471.855.977.615</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DẰNG (Tiếp theo)**

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.

Trong năm, tiến độ thi công các hạng mục do Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G thực hiện chậm so với kế hoạch. Do đó, tại ngày 14 tháng 7 năm 2014, Công ty đã có công văn thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G. Công ty hiện đang trong quá trình nghiệm thu khối lượng xây lắp mà nhà thầu đã thực hiện, thực hiện bàn giao hiện trường và các thủ tục khác để chấm dứt hợp đồng cũng như tìm kiếm các giải pháp thay thế để đẩy nhanh tiến độ thi công của dự án.

- (ii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 07 tháng 11 năm 2007.

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định. Thông tin chi tiết về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	27.209.746.893	28.016.804.619
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.077.479.042	2.056.229.965
<b>Giá trị tài sản thuần</b>	<b>25.132.267.851</b>	<b>25.960.574.654</b>
<b>Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>12.495.763.576</b>	<b>12.907.597.718</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	2.067.736.800	2.067.736.800
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	2.964.531.051	3.792.837.854
	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	15.810.435.799	15.920.121.115
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	2.624.988.692	3.138.958.926
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.139.349.387	1.326.078.576

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	92.832.822.660	149.474.566.004
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai	77.899.337.496	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quy	39.829.473.241	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kon Tum	29.897.954.000	-
Ngân hàng TMCP Nam Á	-	258.742.290.026
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	85.538.633.340
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	60.983.173.465
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	33.668.933.760
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Quy Nhơn	-	14.150.884.398
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	14.057.913.879
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bình Định	-	8.204.740.500
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	17.971.036.178	25.012.065.688
	<u>258.430.623.575</u>	<u>664.833.201.060</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Trong năm, các khoản vay chịu lãi suất khoảng 3,6%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 13,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay ngắn hạn được tín chấp với số tiền vay là 167.626.764.737 VND. Các khoản vay còn lại được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi trị giá 86,5 tỷ VND.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.439.381.510	322.901.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.278.720.035	10.391.975.775
Thuế tài nguyên	3.881.229.944	2.875.222.011
Phí bảo vệ môi trường	3.691.206.200	48.394.511.820
Các loại thuế khác	769.852.722	1.567.993.921
	<u>40.060.390.411</u>	<u>63.552.605.285</u>

250  
G T  
M H  
IT  
NA  
TP

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	-	45.005.951.200
Phải trả EVN tiền hỗ trợ vốn lưu động	31.836.822.702	74.000.000.000
Phải trả khác	544.938.656	272.127.276
	<u>32.381.761.358</u>	<u>119.278.078.476</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	137.064.155.143	153.502.790.392
	<b>137.064.155.143</b>	<b>153.502.790.392</b>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư của khoản vay là 6.786.424 USD.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng biên (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư của khoản vay là 510.723 USD.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 303.477.903.264 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.971.036.178	25.012.065.688
Trong năm thứ hai	7.120.215.851	17.793.411.039
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	21.360.647.555	21.149.512.780
Sau năm năm	108.583.291.737	114.559.866.573
	<b>155.035.191.321</b>	<b>178.514.856.080</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	17.971.036.178	25.012.065.688
Số phải trả sau 12 tháng	<b>137.064.155.143</b>	<b>153.502.790.392</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.062.412.460.000	-	(47.117.531.962)	392.867.363.452
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	197.395.620.250
Phát sinh trong năm	-	6.332.468.038	47.117.531.962	-
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	-	(82.496.498.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(5.813.922.500)
Chi khác	-	-	-	(852.843.711)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>6.332.468.038</b>	<b>-</b>	<b>501.099.719.091</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	359.272.475.855
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(6.826.650.000)
Khác	-	-	-	(12.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>6.332.468.038</b>	<b>-</b>	<b>853.533.544.946</b>

- (i) Là số tiền tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Số tạm trích lập các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2014, và các năm trước sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông.

**Cơ cấu góp vốn**

	31/12/2014		31/12/2013	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Phát điện 3	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	<b>100,00</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>100,00</b>	<b>2.062.412.460.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất điện. Trong năm, hoạt động sản xuất, kinh doanh khác tại đơn vị không trọng yếu; theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động sản xuất điện.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán điện trong năm (i)	453.348.905.614	283.237.654.908
Điều chỉnh doanh thu bán điện giai đoạn 2010 - 2013 (ii)	98.236.150.667	-
Doanh thu dịch vụ khác	2.892.398.545	442.039.999
	<u>554.477.454.826</u>	<u>283.679.694.907</u>

(i) Ngày 16 tháng 12 năm 2014, Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và hết hiệu lực tại thời điểm muộn hơn giữa ngày kết thúc hoạt động của Thị trường phát điện cạnh tranh do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc 10 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Doanh thu bán điện năm 2014 được xác định dựa trên đơn giá theo hợp đồng này, đã bao gồm doanh thu liên quan đến phí dịch vụ môi trường rừng và thuế tài nguyên.

(ii) Đơn giá doanh thu bán điện của giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013 được Công ty ghi nhận trên cơ sở tạm tính. Trong năm 2014, sau khi thỏa thuận bán điện được ký kết, Công ty đã làm hồ sơ điều chỉnh doanh thu cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013, đồng thời điều chỉnh doanh thu phí dịch vụ môi trường rừng và doanh thu thuế tài nguyên cho giai đoạn này. Phần doanh thu tăng thêm sau khi thống nhất với Công ty mua bán điện cho giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013 được Công ty ghi nhận vào doanh thu năm hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	155.757.878.090	131.100.852.747
Giá vốn hoạt động khác	2.149.366.091	297.105.300
	<u>157.907.244.181</u>	<u>131.397.958.047</u>

**21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.907.104.833	2.362.117.898
Chi phí nhân công	27.599.656.179	22.598.782.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.203.985.682	74.818.524.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.618.819.985	4.406.134.796
Chi phí khác	66.853.364.089	43.058.379.503
	<u>179.182.930.768</u>	<u>147.243.939.061</u>

**22. DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.519.380.179	47.915.372.240
Cổ tức được chia	-	969.933.416
Thu lãi từ bán cổ phiếu	-	44.775.203.500
	<u>28.519.380.179</u>	<u>93.660.509.156</u>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	3.295.090.497	3.682.556.544
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.244.566.499	2.119.874.592
	<u>5.539.656.996</u>	<u>5.802.431.136</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	401.238.315.719	226.125.126.681
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và các khoản điều chỉnh do hợp nhất	(698.858.129)	1.705.736.973
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>401.937.173.848</b>	<b>224.419.389.708</b>
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 5%	378.749.963.744	136.782.500.299
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20%	212.258.232	376.818.743
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 22%	22.974.951.872	-
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 25%	-	87.260.070.666
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>24.034.439.246</b>	<b>28.729.506.431</b>
Thuế thu nhập bổ sung các năm trước (i)	17.931.400.618	-
	<b>41.965.839.864</b>	<b>28.729.506.431</b>

- (i) Thuế thu nhập bổ sung theo hướng dẫn của Bộ tài chính tại Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 về việc ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp niêm yết chứng khoán lần đầu trong giai đoạn 2004-2006. Công ty đã hoàn tất việc nộp số tiền thuế vào ngân sách nhà nước ngày 27 tháng 11 năm 2014.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	359.272.475.855	197.395.620.250
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	206.241.246	204.092.986
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.742</b>	<b>967</b>

**25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dũng và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện I về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, phần khối lượng công việc đã thực hiện khoảng 231 tỷ VND.

Ngày 15 tháng 8 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng số 817/2012/HĐ-VSH-AH với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo) về việc cung cấp thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 35.489.858 USD. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã tạm ứng cho nhà thầu với số tiền khoảng 134 tỷ VND.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) trị giá 27.100.933,35 USD và số tiền bằng USD tương đương 3.000.000 EUR. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 85% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng Cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, khoản vay chưa được giải ngân.

106 / T / H / T / H / P.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 7 và thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, tiến độ thi công các hạng mục do Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G thực hiện chậm so với kế hoạch. Do đó, Công ty đã có công văn thông báo chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G. Trong năm, công ty đã nhận được tiền bảo lãnh tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng từ Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh với số tiền khoảng 428 tỷ. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình nghiệm thu khối lượng xây lắp mà nhà thầu đã thực hiện, thực hiện bàn giao hiện trường và các thủ tục khác để chấm dứt hợp đồng cũng như tìm kiếm các giải pháp thay thế để đẩy nhanh tiến độ thi công của dự án.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	395.494.778.718	818.335.991.452
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.958.976.756	573.932.274.705
Nợ thuần	165.535.801.962	244.403.716.747
Vốn chủ sở hữu	2.962.608.441.711	2.610.492.450.088
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,06	0,09

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.958.976.756	573.932.274.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.818.124.428	192.515.027.038
Đầu tư ngắn hạn	32.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>752.777.101.184</b>	<b>766.447.301.743</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	395.494.778.718	818.335.991.452
Phải trả người bán và phải trả khác	226.679.955.329	157.340.930.326
Chi phí phải trả	962.146.640	3.777.970.899
<b>Tổng cộng</b>	<b>623.136.880.687</b>	<b>979.454.892.677</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	155.035.191.321	207.449.592.882	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 4,65 tỷ VND (2013: 6,22 tỷ VND).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì chi phí lãi vay trong năm của Công ty (bao gồm chi phí lãi vay ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang) sẽ tăng/giảm 14,57 tỷ VND.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty Mua bán điện (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 481.052.850.748 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.958.976.756	-	229.958.976.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.818.124.428	-	490.818.124.428
Đầu tư ngắn hạn	32.000.000.000	-	32.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>752.777.101.184</b>	<b>-</b>	<b>752.777.101.184</b>
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	226.679.955.329	-	226.679.955.329
Chi phí phải trả	962.146.640	-	962.146.640
Các khoản vay	258.430.623.575	137.064.155.143	395.494.778.718
<b>Tổng cộng</b>	<b>486.072.725.544</b>	<b>137.064.155.143</b>	<b>623.136.880.687</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>266.704.375.640</b>	<b>(137.064.155.143)</b>	<b>129.640.220.497</b>
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	573.932.274.705	-	573.932.274.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.515.027.038	-	192.515.027.038
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>766.447.301.743</b>	<b>-</b>	<b>766.447.301.743</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	157.340.930.326	-	157.340.930.326
Chi phí phải trả	3.777.970.899	-	3.777.970.899
Các khoản vay	664.833.201.060	153.502.790.392	818.335.991.452
<b>Tổng cộng</b>	<b>825.952.102.285</b>	<b>153.502.790.392</b>	<b>979.454.892.677</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(59.504.800.542)</b>	<b>(153.502.790.392)</b>	<b>(213.007.590.934)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan

**Bên liên quan**Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước  
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định**Mối quan hệ**Công ty mẹ của Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Công ty liên kết

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	551.585.056.281	283.237.654.908
Lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	388.888.889
<b>Cổ tức</b>		
<b>Số cổ tức công bố chia trong năm:</b>		
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	25.206.779.200
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	19.799.172.000
<b>Số cổ tức trả trong năm (bằng tiền hoặc bù trừ công</b>		
Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.206.779.200	37.810.168.800
Cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	19.799.172.000	-
<b>Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định</b>	1.551.183.529	1.939.120.000

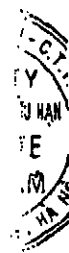
Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	481.052.850.748	186.051.307.869
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	25.206.779.200

***Thu nhập của Ban Giám đốc***

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.958.162.957	1.780.442.443



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



*[Signature]*  
Võ Thành Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

*[Signature]*

Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng

*[Signature]*

Lê Văn Chương  
Người lập